

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÙNG KHÁNH
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST
Ngày 29 - 4 - 2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Dữ và bà Ngôn Thị Liêm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Quỳnh - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa: Bà Nông Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 29/2025/TLST-HNGĐ ngày 11/3/2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986; địa chỉ: Đội 5, thôn N, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lục Văn Th, sinh năm 1999; Hộ khẩu thường trú: xóm Đ, xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam N, Bộ Công an (địa chỉ: xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam). Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 06/3/2025 và các lời khai tiếp theo tại Tòa, nguyên đơn Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Lục Văn Th là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật ngày 15/3/2021 tại UBND xã T, huyện T, thành phố Hà Nội. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và được tìm hiểu trước khi kết hôn. Cuộc sống vợ chồng sau khi kết hôn hạnh phúc và có một con chung tên là Lục Khánh D, sinh ngày 03/01/2021. Đến khoảng đầu năm 2022 thì vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là quan điểm sống hai người khác nhau, gặp khó khăn về tài chính, không đồng thuận về một số vấn đề và anh Th sa vào tệ nạn ma túy. Đến ngày 21/9/2023, anh Th bị bắt về hành vi mua bán trái phép chất ma túy và sau đó bị TAND huyện T, tỉnh Bắc Ninh xử phạt hơn 07

năm tù (cụ thể chị không rõ). Hiện nay anh Th đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam N, Bộ Công an có địa chỉ tại thôn T, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam.

Nay chị xác định cả hai không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Lục Văn Th.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Lục Khánh D, sinh ngày 03/01/2021 hiện đang ở với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 21/4/2025, chị T giữ nguyên các yêu cầu như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

Tại bản tự khai ngày 27/3/2025, bị đơn anh Lục Văn Th xác nhận các vấn đề về tình cảm, con cái, tài sản, nợ chung như chị T trình bày là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn, anh Th cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn bắt đầu từ thời điểm anh bị bắt và phải đi chấp hành án phạt tù tại Trại giam. Đến nay bản thân anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc và không tìm được tiếng nói chung. Nay chị T làm đơn xin ly hôn và yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là cháu Lục Khánh D, không yêu cầu cấp dưỡng anh hoàn toàn đồng ý. Đồng thời, anh Th có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Tại phiên tòa:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa thông qua tóm tắt nội dung vụ án và các yêu cầu cần giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và các đương sự kê từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo và chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Thuý, cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Lục Văn Th.

- Về con chung: Giao cháu Lục Khánh D, sinh ngày 03/01/2021 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không đặt vấn đề cấp dưỡng đối với anh Th.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thẩm quyền*: Bị đơn Lục Văn Th có hộ khẩu thường trú và trước khi bị bắt tạm giam thì cư trú tại: Xóm Đ, xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

[2]. *Về tố tụng*: Bị đơn anh Lục Văn Th hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam không thể có mặt tại Tòa và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử thì nguyên đơn cũng có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy đã có lời khai trong hồ sơ và việc vắng mặt của đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3]. *Về quan hệ tranh chấp*: Chị Nguyễn Thị T yêu cầu ly hôn anh Lục Văn Th, giành quyền nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng, các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị T và anh Lục Văn Th tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và tiến hành đăng ký kết hôn ngày 15/3/2021 tại UBND xã T, huyện T, thành phố Hà Nội. Tại thời điểm đăng ký cả anh Th, chị T đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện và đủ tuổi kết hôn, cũng như không thuộc một trong các trường hợp cấm theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Việc đăng ký được thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, việc kết hôn giữa chị T và anh Th là hợp pháp và quan hệ vợ chồng được pháp luật công nhận từ ngày đi đăng ký kết hôn.

Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc và có với nhau 01 con chung, tuy nhiên, sau đó đến khoảng năm 2022, 2023 thì phát sinh mâu thuẫn; hai vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung; anh Th không tu chí làm ăn, sa vào tệ nạn ma túy. Hiện nay, đang trong thời gian chấp hành án tại Trại giam về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Từ đó, hai vợ chồng cũng không còn tình cảm với nhau nữa, chị T ở nhà một mình nuôi con. Mặt khác, tại bản tự khai ngày 27/3/2025, anh Th cũng nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị T cùng nguyện vọng được nuôi con của chị.

Từ những phân tích, nhận định trên đây, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa hai vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích

hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị T và ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ nên cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. *Về con chung*: Giữa chị T và anh Th có 01 con chung tên là Lục Khánh D, sinh ngày 03/01/2021 hiện đang sống cùng chị T. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện nay, anh Th đang trong thời gian chấp hành án phạt tù trong Trại giam, không có điều kiện trực tiếp chăm sóc con chung, cháu D cũng đã sống cùng mẹ từ nhỏ. Vì vậy, cần giao cháu D cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh Th là có căn cứ.

Vì quyền lợi của con, khi có căn cứ, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu nên không đặt vấn đề cần xem xét giải quyết.

[7]. *Về án phí*: Chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị đã nộp đủ.

[8]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Lục Văn Th.

2. *Về con chung*: Giao cháu Lục Khánh D, sinh ngày 03/01/2021 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có Bản án, quyết định khác của Tòa án thay thế. Không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh Th do chị T không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh Th có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con, khi có căn cứ, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu nên không đặt vấn đề cần xem xét giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào Ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị đã nộp đủ theo Biên lai nộp tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002803 ngày 11 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

5. *Về quyền kháng cáo:* Chị T, anh Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện T;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã T, huyện T, thành phố Hà Nội;
- Lưu HS vụ án; Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Văn Tùng